

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EASÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 10/2024/DSST

Ngày: 14/6/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Kim Dung

2. Bà Bùi Việt Nga

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp:*** Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST – DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N – sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị NH – sinh năm 1980. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 14, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:***

Bà Đỗ Thị N là người bán vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho bà Nguyễn Thị NH, địa chỉ thôn 14, xã Y, huyện E. Trong quá trình mua bán, bà NH có nợ tiền nhiều lần, đến ngày 01/01/2015, bà N và bà NH đã chốt lại số tiền bà NH còn nợ bà N là 21.500.000 đồng. Năm 2016, bà NH tiếp tục mua vật tư nông nghiệp ở cửa hàng của bà N, đến ngày 01/4/2016, bà N và bà NH đã chốt lại số tiền nợ của năm 2016 là 7.000.000 đồng. Tổng số tiền bà NH còn nợ bà N là

28.500.000 đồng. Bà NH có hạn đến tháng 6 năm 2016, bà NH sẽ trả đủ toàn bộ số tiền này cho bà N. Tuy nhiên từ thời gian đó đến nay, bà NH không trả cho bà N khoản tiền gốc và tiền lãi nào dù bà N đã nhiều lần yêu cầu bà NH trả. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị NH phải trả cho bà N số tiền còn nợ là 28.500.000 đồng. Về tiền lãi, bà N xin rút yêu cầu và không tính lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Nguyễn Thị NH không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như đối chất, hòa giải nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không thể tiến hành các thủ tục theo quy định. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành pháp luật còn bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, 97, 189, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị NH phải trả cho bà N số tiền 28.500.000 đồng tiền gốc về tiền lãi không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị NH còn phải chịu chi phí giám định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị NH có nơi cư trú tại xã Y, huyện Ea Súp nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Ea Súp có thẩm quyền giải quyết. Bà Nguyễn Thị NH đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng nhưng bà không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chứng tỏ bà NH đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai đối với bà NH nhưng bà NH vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà NH là phù hợp với quy định.

Về thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị NH mua vật liệu xây dựng, phân bón của bà N từ năm 2015, quan hệ hợp đồng mua bán tài sản được xác lập từ thời điểm này. Đến năm 2023, bà N mới khởi kiện bà NH nên đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự tuy nhiên nguyên đơn bà Đỗ Thị N không yêu cầu áp dụng thời hiệu, bị đơn không hợp tác đến Toà án làm việc, không trình bày ý kiến về thời hiệu của vụ án. Do đó, toà án giải quyết và xét xử theo thủ tục được quy định tại khoản 2 Điều 26 bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại giấy ghi nợ do nguyên đơn cung cấp và nguyên đơn trình bày thể hiện: Bà Đỗ Thị N là người bán vật liệu xây dựng, phân bón cho bà Nguyễn Thị NH. Trong quá trình mua bán, bà NH có nợ tiền bà N sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 01/01/2015, bị đơn bà Nguyễn Thị NH xác nhận còn nợ bà Đỗ Thị N số tiền 21.500.000 đồng, đến ngày 01/4/2016, bà NH tiếp tục xác nhận còn nợ bà N số tiền 7.000.000 đồng, tổng số tiền bà NH còn nợ bà N là 28.500.000 đồng. Giữa hai bên có thoả thuận bà NH có hạn đến tháng 6 năm 2016, bà NH sẽ trả đủ toàn bộ số tiền này cho bà N. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ thì bà NH không trả tiền cho bà N do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà NH trả toàn bộ số nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị NH không đến Toà án làm việc nên Tòa án không làm việc được với bà NH, bà N có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà NH trong giấy ghi nợ đề ngày 01/01/2015, ngày 01/4/2016.

Để có căn cứ cho việc giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ là chữ ký, chữ viết của bà NH tại Văn bản thoả thuận phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông Trần Phương, bà Nguyễn Thị NH được Ủy ban nhân dân xã Y chứng thực ngày 22 tháng 02 năm 2023; Giấy uỷ quyền giữa bên A ông Lê Văn Dần, bên B bà Nguyễn Thị NH được Ủy ban nhân dân xã Y chứng thực ngày 25 tháng 8 năm 2023 để so sánh với chữ ký, chữ viết của bà NH trong giấy ghi nợ đề ngày 01/01/2015, ngày 01/4/2016 có phải do bà NH ký và viết ra không, để trưng cầu giám định tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk. Ngày 19 tháng 3 năm 2024, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk có Kết luận giám định số: 384/KL-KTHS, kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị NH trong các tài liệu cần giám định kí hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị NH trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là do một người ký và viết ra”*.

Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi có kết quả giám định chữ ký của bà Nguyễn Thị NH tại giấy ghi nợ do nguyên đơn cung cấp, xác nhận việc bà NH có mua vật liệu xây dựng của bà N và còn nợ số tiền 28.500.000 đồng là thật. Theo thoả thuận giữa bà NH và bà N đến tháng 6 năm 2016 bà NH sẽ trả tiền cho bà N nhưng đến nay bà NH chưa trả cho bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu bà NH phải trả

số tiền 28.500.000đ là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.1] Về lãi suất: Bà N đã rút yêu cầu tính lãi suất do đó không đề cập xem xét cần đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà N.

[3]. Từ các nhận định nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N buộc bà Nguyễn Thị NH phải trả cho bà N số tiền nợ gốc là 28.500.000 đồng.

[4]. Về chi phí giám định: Do yêu cầu của bà Đỗ Thị N được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị NH phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Bà N đã nộp 7.000.000 đồng tiền tạm ứng giám định chữ ký nên cần buộc bà NH phải trả lại cho bà N số tiền tạm ứng chi phí giám định là 5.000.000 đồng, hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án còn lại là 2.000.000 đồng.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N được chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị NH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 275, 280, 430 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị NH phải trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ việc yêu cầu giải quyết lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất trên số tiền chậm trả cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[ 2]. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị NH phải chịu 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền 712.500 (Bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp, theo biên lai số AA/2023/0003470 ngày 23 tháng 10 năm 2023.

[3]. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị NH phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000 đồng, do bà Đỗ Thị N đã nộp tạm ứng số tiền chi phí giám định này, nên buộc bà Nguyễn Thị NH phải trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền tạm ứng

chi phí giám định là 5.000.000 đồng, hoàn trả lại cho bà N số tiền tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án còn lại là 2.000.000 đồng

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea Súp;
- Thi hành án dân sự huyện Ea Súp;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thông**